

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/DS- ST

Ngày: 25 - 9 - 2017

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Giáp Trà Giang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn Cao**

2. Ông **Nguyễn Trường Sơn**

Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Hồng Nhả** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Chí Thiện**, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2017/QĐST- DS ngày 08 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Tuấn N**, sinh năm 1964

Địa chỉ: số 144, khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:*

1/ Ông **Thạch Hoàng G**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

2/ Bà **Hồng Thị Ngọc T**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Tuấn N trình bày và yêu cầu như sau: Vào ngày 26/01/2017 ông có cho ông Thạch Hoàng G và bà Hồng Thị Ngọc T vay số tiền 10.000.000 đồng. Khi ông G và bà T nhận tiền thì có viết biên nhận cho ông và có ghi thời gian trả số tiền này thành 02 lần, lần 01 vào ngày 26/02/2017 và lần 02 vào tháng 03/2017. Tuy nhiên sau khi vay thì ông G và bà T không trả nợ cho ông như đã thỏa thuận trong biên nhận ngày 26/01/2017. Nay ông yêu cầu Tòa buộc ông Thạch Hoàng G

và bà Hồng Thị Ngọc T phải trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn vắng mặt các lần tòa triệu tập nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông Thạch Hoàng G và bà Hồng Thị Ngọc T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Thạch Hoàng G và bà Hồng Thị Ngọc T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Khi khởi kiện nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ là giấy biên nhận đề ngày 26/01/2017 có chữ ký của ông Thạch Hoàng G và bà Hồng Thị Ngọc T, nội dung biên nhận thể hiện rõ ông G và bà T vay số tiền 10.000.000 đồng của ông Lê Tuấn N, thỏa thuận ngày trả xong nợ là tháng 3/2017. Ngày 12/7/2017, Tòa thụ lý vụ án và đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về việc giao nộp chứng cứ kèm theo bản sao giấy biên nhận đề ngày 26/01/2017 cho bị đơn ông Thạch Hoàng G và bà Hồng Thị Ngọc T, ông Thạch Hoàng G là người đã ký nhận các văn bản này. Như vậy bị đơn đã biết rõ nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến phản bác gì về yêu cầu và chứng cứ của nguyên đơn đưa ra. Đồng thời, sau khi thụ lý, Tòa án đã ra thông báo hòa giải 02 lần, đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt. Như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền được cung cấp chứng cứ và nêu ý kiến phản bác của mình, chứng tỏ bị đơn đã mặc nhiên thừa nhận chứng cứ nguyên đơn cung cấp là đúng. Do đó căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 91; Điều 92; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Tuấn N

Buộc các bị đơn ông Thạch Hoàng G, bà Hồng Thị Ngọc T phải trả cho ông Lê Tuấn N 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Buộc ông Thạch Hoàng G, bà Hồng Thị Ngọc T phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Tuấn N 250.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012417 ngày 11/7/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Án xử sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh.
- VKSND TPTV.
- Chi cục THA TPTV
- Các đương sự.
- Lưu VP, HS (...)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Trà Giang